

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HS-ST
Ngày 21-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Hùng.

Thẩm phán: Bà Lê Thị Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Hữu Nhân;

Ông Đoàn Văn Tám;

Ông Đào Văn Sáng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dung Thị Mỹ Ai, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiệu - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2020/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2020, đối với bị cáo:

Lê Thị Diệu H (tên thường gọi khác:), sinh năm 1979, tại Bình Thuận.

Nơi cư trú: Khu phố 02, phường X, thành phố P, tỉnh B; nghề nghiệp: giáo viên; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh M và bà Phạm Thị Hồng H; chồng Trần Văn H (đã ly hôn) và có 01 người con;

Tiền án, tiền sự, nhân thân: không;

Bị bắt ngày 30/9/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Thuận;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa:

1. Ông Nguyễn Văn T - Luật sư của Văn phòng luật sư Trung Tín thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận; là người bào chữa cho bị cáo theo luật định; có mặt.

2. Ông Nguyễn Trung T - Luật sư của Văn phòng luật sư Trung Tín thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận; là người bào chữa cho bị cáo theo luật định; vắng mặt.

- Bị hại:

1. Ông Dương Hoàng N, sinh năm 1976; có mặt

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2. Bà Phạm Thị NgọcTh, sinh năm 1982; có mặt

Nơi cư trú: Khu phố 2, phường Phú Hải, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959; có mặt

Nơi cư trú: Khu phố Phú Thành, thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Người làm chứng:

Ông Trương Minh Du, sinh năm 1982; có mặt

Nơi cư trú: Khu phố Phú Thành, thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị Diệu H là giáo viên dạy tại Trường Tiểu học Bắc Phan Thiết. Do H dạy con của vợ chồng ông Dương Hoàng N, bà Phạm Thị NgọcTh nên H quen thân với vợ chồng ông N, bàTh.

Năm 2014, biết gia đình bàTh muốn mua đất xây nhà nên H nảy sinh ý định lừa gia đình bàTh để chiếm đoạt tiền. Mặc dù không có đất tại khu dân cư Bắc Xuân An, thành phố Phan Thiết nhưng H nói với vợ chồng ông N, bàTh là H có nhiều lô đất ở khu vực trên, nếu ông N, bàTh muốn mua thì H sẽ bán với giá ưu đãi là 430.000.000 đồng/lô. Ngoài ra, H còn gợi ý nếu có ai trong gia đình ông N, bàTh muốn mua đất thì H cũng bán với giá trên. BàTh kể lại chuyện này với bà Nguyễn Thị L (là mẹ ruột bàTh) thì bà L nói cũng muốn mua đất để xây nhà. Khoảng tháng 8/2014, H hẹn ông N, bàTh, bà L đi xem đất, có ông Trương Minh Du (là con rể bà L) cùng đi. H dẫn ông N, bàTh, bà L, ông Du đi đến khu dân cư Bắc Xuân An, thành phố Phan Thiết rồi chỉ

vào khu đất trống (nay là khuôn viên trường Lê Quý Đôn) nói toàn bộ khu vực này là đất của H, đang phân lô bán nên chưa có sổ đỏ từng lô, muốn mua lô nào thì chọn, H sẽ làm thủ tục ra sổ đỏ cho. Sau khi xem đất, vợ chồng ông N, bàTh đồng ý mua 02 lô; bà L mua 02 lô. H nói phải đặt tiền cọc trước để H lo thủ tục giấy tờ, sau đó H gọi điện thúc giục ông N, bàTh, bà L phải sớm đặt tiền cọc cho H. Tháng 9/2014, bàTh đưa cho H số tiền 200 triệu đồng tại Trường Tiểu học Bắc Phan Thiết. Đến tháng 12/2014, bàTh đưa tiếp cho H số tiền 100.000.000 đồng tại nhà cha mẹ H. Đến tháng 02/2015, ông N đưa cho H 150.000.000 đồng tại nhà cha mẹ H. Tổng số tiền mà vợ chồng ông N, bàTh đã đưa cho H là 450.000.000 đồng.

Về phần bà L, sau khi H gọi điện thúc giục giao tiền đặt cọc, tháng 9/2014, bà L đã nhờ ông Trương Minh Du đưa cho H 400.000.000 đồng tại Trường Tiểu học Bắc Phan Thiết. Đến tháng 12/2014, bà L nhờ ông Du đưa cho H 200.000.000 đồng tại nhà của H. Tổng số tiền mà bà L đã đưa cho H là 600.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 12/2015, là thời điểm H hứa sẽ làm xong thủ tục ra sổ cho các thửa đất trên nhưng khi ông N, bàTh, bà L hỏi thì H tránh mặt, không nghe điện thoại. Qua tìm hiểu, ông N, bàTh, bà L biết H không có lô đất nào ở khu dân cư Bắc Xuân An nên biết đã bị H lừa đảo. Ngày 18/9/2016, H viết giấy cam kết sẽ trả lại toàn bộ số tiền 1.050.000.000 đồng đã nhận của vợ chồng ông N, bà L nhưng sau đó vẫn không thực hiện. Đến năm 2017, thì H cắt đứt mọi liên lạc với ông N, bàTh, bà L và bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 30/9/2020, H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Thuận đầu thú.

Biên bản xác minh tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố Phan Thiết vào ngày 22/7/2020, kết quả: Lê Thị Diệu H không sở hữu tài sản nhà, đất nào tại khu dân cư Bắc Xuân An.

Tại bản kết luận giám định số 953/KLGD-PC09 ngày 08/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: Chữ viết trên giấy biên nhận (đề ngày 15/02/2016), bản cam kết (đề ngày 18/9/2016), bản cam kết (đề ngày 27/02/2017), đơn gia hạn (đề ngày 24/5/2017) do Lê Thị Diệu H viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 995/KLGD-PC09 ngày 10/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Thuận kết luận: Dấu vân tay trên 02 giấy biên nhận tiền đặt cọc đề ngày 12/01/2015 và 15/3/2015 là của Lê Thị Diệu H.

Về dân sự: Ông Dương Hoàng N và bà Phạm Thị NgọcTh yêu cầu H trả lại số tiền 450.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L yêu cầu H trả lại số tiền 600.000.000 đồng. Hiện nay, H chưa trả lại tiền cho các bị hại.

Tại Bản cáo trạng số 24/CT-VKSBT-P1 ngày 24/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Lê Thị Diệu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

1. Kiểm sát viên đề N Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Diệu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Diệu H từ 12 năm tù đến 13 năm tù.

- Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Lê Thị Diệu H bồi thường cho ông Dương Hoàng N và bà Phạm Thị NgọcTh số tiền 450.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L số tiền 600.000.000 đồng.

2. Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Theo các tài liệu có tại hồ sơ, lời khai của bị cáo, bị hại và người làm chứng tại phiên tòa, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Tuy nhiên đề N Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo đầu thú tại Cơ quan điều tra; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu; gia đình bị cáo có công với cách mạng. Xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

3. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Diệu H khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận truy tố; lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác, đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 8 năm 2014, mặc dù không có đất tại khu dân cư Bắc Xuân An, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận nhưng H nói dối vợ chồng ông Dương Hoàng N và bà Phạm Thị NgọcTh, bà Nguyễn Thị L là có nhiều lô đất ở khu vực trên, nếu ông N, bàTh, bà L muốn mua thì H sẽ bán lại, rồi dẫn họ đi xem đất. H đưa ra giá mỗi lô là 430.000.000 đồng. Sau khi xem đất, vợ chồng ông N, bàTh đồng ý mua 02 lô, bà L đồng ý mua 02

lô. Vợ chồng bàTh đã giao cho H 450.000.000 đồng, bà L đã giao cho H 600.000.000 đồng. Như vậy, bằng thủ đoạn gian dối, H đã chiếm đoạt của vợ chồng ông Dương Hoàng N và bà Phạm Thị NgọcTh, bà Nguyễn Thị L tổng cộng 1.050.000.000 đồng. Do đó, bị cáo Lê Thị Diệu H đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị Diệu H 02 lần lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác, số tiền mỗi lần đều cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Thị Diệu H thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đối với ý kiến của luật sư và đại diện Viện kiểm sát đề N áp dụng tình tiết “đầu thú” là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo: Xét thấy sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo bỏ trốn và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra ra quyết định truy nã, bị cáo mới ra trình diện. Vì vậy việc đề N áp dụng tình tiết đầu thú là không đúng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 4 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không được chấp nhận.

[5] Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên”. Vì vậy xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Tuy nhiên bị cáo được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên cần xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa thể hiện bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Ông Dương Hoàng N và bà Phạm Thị NgọcTh yêu cầu H trả lại số tiền 450.000.000 đồng; bà Nguyễn Thị L yêu cầu H trả lại số tiền 600.000.000 đồng. Yêu cầu của ông N, bàTh, bà L phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Tại phiên tòa, bị cáo trình bày có sử dụng tiền chiếm đoạt của bị hại để trả nợ tiền xây nhà của vợ chồng bị cáo (nhà xây năm 2005). Tuy nhiên theo ông Trần Văn Hà (là chồng của bị cáo H) trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 15/7/2016, ông Hà không biết việc H lừa đảo người khác trong việc mua bán đất để lấy tiền, vì từ năm 2011 ông Hà đã sống ly thân với H, đến ngày 18/8/2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết có quyết định cho ly hôn. Mặt khác khi các bị hại trao đổi chuyển nhượng đất và giao tiền thì chỉ tiếp xúc trực tiếp với bị cáo H. Vì vậy không có cơ sở để xác định nghĩa vụ liên đới của ông Trần Văn Hà và bị cáo Lê Thị Diệu H đối với các bị hại.

[8] Về án phí: Bị cáo Lê Thị Diệu H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với số tiền phải trả cho mỗi bên bị hại.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Diệu H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Thị Diệu H 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 30 tháng 9 năm 2020).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

+ Buộc bị cáo Lê Thị Diệu H phải trả lại cho ông Dương Hoàng N và bà Phạm Thị NgọcTh số tiền 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng);

+ Buộc bị cáo Lê Thị Diệu H phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Diệu H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Phòng PC 01, 02 - Công an tỉnh;
- Phòng PV 06 - Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Vũ Đức Hùng